

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Vũ Thị An

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1 Ông Vũ Văn Hoàn

2, Bà Dương Thị Thu Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ

- **Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 208/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị K, sinh năm 1975

(có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Xóm KQ, xã VL, huyện Đ, tỉnh T

2. Bị đơn: Anh Long Văn N, sinh năm 1974

(vắng mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú cuối cùng: Xóm KQ, xã VL, huyện Đ, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/10/2018, bản tự khai ngày 21/12/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Long Văn N năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện Đ, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xóm KQ, xã VL, huyện Đ, tỉnh T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc tới cuối năm 2013 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường xuyên đi sớm về muộn, bí mật với vợ con, chị có hỏi nhiều lần nhưng anh không nói. Đến năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng khi chị biết chuyện anh N chơi bời lừa tiền của hội nông dân, bà con trong xóm. Chị muốn nói chuyện để vợ chồng tìm cách tháo gỡ nhưng anh N còn rút súng ra đe dọa vợ con. Do vậy, mẹ con

chị đã bỏ đi lao động tại Trung Quốc từ ngày 16/9/2015. Đến tháng 10/2015 chị được biết anh N bỏ đi khỏi địa phương. Từ đó, vợ chồng mất liên lạc, khi chị đi lao động ở Trung Quốc về cũng không có tin tức gì về anh N. Sau nhiều nỗ lực tìm thông tin không có kết quả, chị đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N mất tích. Ngày 15/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã có quyết định tuyên bố anh N mất tích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Long Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Long Văn Ng, sinh ngày 14/01/1995. Hiện con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có nhà sàn, nhà bếp, đất ao, đất rừng nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Bị đơn anh Long Văn N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Long Văn N, đồng thời tiến hành xác minh thông tin về anh N và tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị K, anh N trong thời gian chung sống tại địa phương, đại diện xóm KQ và đại diện Ủy ban nhân dân xã VL cho biết: Từ khi anh N bỏ đi cũng như từ khi Tòa án có Quyết định tuyên bố anh N mất tích cho đến nay, anh N chưa trở về địa phương và cũng không ai biết tin tức gì về N. Về tình trạng hôn nhân, trước khi anh N bỏ đi, chị K cũng không có mặt ở nhà, vợ chồng anh N có mâu thuẫn hay không thì địa phương không có thông tin.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị K, cho chị K được ly hôn anh N. Về con chung: Chị K và anh N có 01 con chung sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: chị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xóm KQ, xã VL, huyện Đ, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐST-VDS ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ về việc tuyên bố anh Long Văn N mất tích, căn cứ kết quả xác minh thông tin về bị đơn anh Long Văn N tại thời điểm giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh N và tại trụ sở Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Long Văn N vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh N vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Long Văn N.

[2.] **Về nội dung:** Chị Dương Thị K và anh Long Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện Đ, tỉnh T năm 1994 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Dương Thị K, căn cứ biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương nơi vợ chồng chị K từng chung sống, có cơ sở xác định, vợ chồng chị K, anh N đã chung sống hạnh phúc trong những năm đầu. Đến năm 2015 thì anh N đã bỏ đi biệt tích. Ngày 15/10/2018, anh N đã bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ tuyên bố mất tích.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị K, cho chị K được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị K, anh N có 01 con chung là Long Văn Ng, sinh ngày 14/01/1995. Hiện tại con chung của chị K và anh N đã thành niên, chị K xác định con chung đủ năng lực hành vi dân sự và đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh N vắng mặt, không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị K xác định không có. Anh N không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Dương Thị K phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị K đối với anh Long Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị K được ly hôn anh Long Văn N.
2. Về con chung: Chị K và anh N có 01 con chung là Long Văn Ng, sinh ngày 14/01/1995. Con chung đã trưởng thành.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.
4. Án phí: Chị Dương Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016150 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã VL, huyện Đ, tỉnh T;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thị An

HỘI THẨM NHÂN DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA